

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST.

Ngày: 07/7/2022.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Nguyễn Văn Ngự.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Kim Thị Cẩm Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐST-DS ngày 09/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2022/QĐST-DS ngày 29/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lý Trung B, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lý Hiệp T (có mặt).

2/ Bà Trần Thị L (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*Trong đơn khởi kiện ngày 12/11/2021 nguyên đơn Lý Trung B trình bày:*

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2020 chị Phan Thị Thu T có vay của anh B số tiền 3.500.000.000 đồng (ba tỷ, năm trăm triệu đồng) để đáo nợ ngân hàng, vì tin tưởng nên anh cho chị T vay số tiền trên. Đến ngày 29/10/2020, anh kêu chị T trả tiền để anh trả cho người khác thì chị T nói không có khả năng trả và chị đến gặp anh xin trả nợ dần và viết giấy biên nhận mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, trong năm nếu kiếm được

tiền sẽ trả nhiều hơn. Tính đến tháng 6/2021, chị T đã trả được cho anh tổng cộng số tiền là 84.900.000 đồng (*Tám mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) thì chị T không trả nữa. Tổng số tiền chị T còn nợ anh là 3.415.100.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T trả số tiền nợ gốc 3.500.000.000 đồng, nhưng do chị T đã trả được 84.900.000 đồng, nên tại phiên tòa anh B chỉ yêu cầu chị T trả số tiền nợ gốc còn lại 3.415.100.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu tính lãi sau khi án có hiệu lực pháp luật khi anh có đơn yêu cầu thi hành án.

*Trong quá trình thụ lý, giải quyết, cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Phan Thị Thu T trình bày:*

Chị To không thừa nhận số tiền nợ gốc vay của anh B như anh B đã trình bày, chị có mượn tiền nhiều lần là mượn trực tiếp từ ông Lý Hiệp T và bà Trần Thị L chứ không mượn của anh B, tổng số tiền gốc chỉ 850.000.000 đồng với lãi suất 1%/ngày. Chị có mượn và có trả nhiều lần cả gốc và lãi. Lý do chị viết biên nhận nợ 3.500.000.000 đồng vào ngày 29/10/2020 với anh B là do ông T nói ông lớn tuổi không biết sống được bao lâu nên bảo chị viết giấy nợ qua cho anh B, nhưng chị mượn tiền là mượn trực tiếp từ ông T và bà L chứ không phải mượn trực tiếp từ anh B. Chị chỉ thừa nhận có vay tiền của ông T và bà L với tổng số tiền gốc là 850.000.000 đồng (*Tám trăm năm mươi triệu đồng*). Chị thừa nhận có trả cho anh B nhiều lần sau thời gian viết biên nhận vào ngày 29/10/2020 tổng cộng 84.900.000 đồng.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Hiệp T trình bày:*

Trước đây T có vay tiền riêng của ông và có những lần T vay tiền của B con ông thì ông có đưa giùm cho T giúp B chứ không phải là tiền của ông T. Tiền vay của ông T thì T đã thanh toán đủ, còn số tiền vay của B thì ông yêu cầu cô T viết biên nhận nợ cho B vì đó là tiền của B cho T vay chứ không phải là tiền của ông. Còn phía cô T cho rằng thiếu ông và bà L 850.000.000 đồng là không đúng.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày:*

Thời gian trước bà có cho bị đơn Phan Thị Thu T vay tiền, nhưng đã trả xong. số tiền T vay trực tiếp của B là tiền của B chứ không phải của bà, nên bà không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về nội dung:**

[1] Theo lời trình bày của nguyên đơn Lý Trung B là vào ngày 16 tháng 10 năm 2020 chị Phan Thị Thu T có vay của anh số tiền 3.500.000.000 đồng (*ba tỷ năm trăm triệu đồng*) để đáo nợ ngân hàng; đến ngày 29/10/2020 chị T viết giấy biên nhận nợ. Tính đến tháng 6/2021, chị T đã trả được tổng cộng số tiền là 84.900.000 đồng (*Tám mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) thì chị T không trả nữa. Tổng số tiền chị T còn nợ là 3.415.100.000 đồng.

[2] Còn chị T không thừa nhận số tiền nợ gốc vay của anh B như anh B đã trình bày, chị có vay mượn tiền nhiều lần là mượn trực tiếp từ ông Lý Hiệp T và bà Trần Thị L, tổng số tiền gốc là 850.000.000 đồng. Lý do chị viết biên nhận nợ 3.500.000.000 đồng (*ba tỷ năm trăm triệu đồng*) vào ngày 29/10/2020 với anh B là do ông T nói ông lớn tuổi không biết sống được bao lâu nên bảo chị viết giấy nợ qua cho anh B nhưng chị mượn tiền là mượn trực tiếp từ ông T và bà L.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua ông Lý Hiệp T và bà Trần Thị L trình bày số tiền 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*) mà B khởi kiện T là tiền của B cho T vay, không phải tiền của ông, bà cho T vay.

[4] Xét thấy, việc nguyên đơn có cho bị đơn T vay 3.500.000.000 đồng có làm biên nhận nợ ngày 29/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn T thừa nhận biên nhận nợ ngày 29/10/2020 là do bị đơn viết và ký tên, nên lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ.

Việc bị đơn cho rằng số tiền vay mượn tiền nhiều lần là mượn trực tiếp từ ông Lý Hiệp T và bà Trần Thị L chứ không mượn của anh B, tổng số tiền gốc chỉ 850.000.000 đồng, chứ không phải 3.500.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày, nay chỉ đồng ý trả 850.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua ông Lý Hiệp T và bà Trần Thị L trình bày số tiền 3.500.000.000 đồng mà B khởi kiện T là tiền của B cho Thảo vay, không phải tiền của ông, bà cho T vay; tại phiên tòa bị đơn không đưa ra chứng cứ vay 850.000.000 đồng và vay trực tiếp của ông Lý Hiệp T và bà Trần Thị L, nên lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Mặt khác, việc bị đơn viết biên nhận nợ ngày 29/10/2020 là bị đơn tự nguyện viết, không ai cưỡng ép hoặc đe dọa, bắt buộc; bị đơn có đầy đủ ý trí, năng lực trách nhiệm dân sự về hành vi của mình.

Từ những nhận định trên, nên chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số nợ gốc còn lại là 3.415.100.000 đồng.

Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu tính lãi sau khi án có hiệu lực pháp luật khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân.
- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Buộc bị đơn Phan Thị Thu T **trả cho nguyên đơn Lý Trung B số tiền nợ gốc còn lại là 3.415.100.000 đồng** (ba tỷ, bốn trăm mười lăm triệu, một trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn Phan Thị Thu T phải chịu 100.302.000 đồng (một trăm triệu, ba trăm lẻ hai nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả cho nguyên đơn B số tiền tạm ứng đã nộp 53.260.000 đồng (năm mươi ba triệu, hai trăm sáu chục nghìn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003011 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Văn Trúc**